

Số: 74 /BC-BKS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 ..tháng ..5....năm 2017

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN
(Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017)**

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát (BKS) quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn (Công ty) đã được Đại hội đồng cổ đông lần đầu thông qua trong phiên họp ngày 28 tháng 7 năm 2016;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐTL/SGB ngày 28/7/2016 của Đại hội đồng cổ đông lần đầu Công ty;
- Căn cứ Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của BKS ban hành tại Quyết định số 01/BKS-2016 ngày 01/9/2016.

BKS Công ty báo cáo một số nội dung như sau:

I. Hoạt động của BKS năm 2016:

Trong năm 2016, BKS đã thực hiện và tiến hành các hoạt động theo quy định tại Điều lệ Công ty cũng như tuân thủ các quy định khác của pháp luật:

1. Thực hiện giám sát hoạt động và tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty đối với Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành trong việc quản lý, điều hành Công ty.
2. Giám sát việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông lần đầu thông qua ngày 28/7/2016.
3. Tham gia các cuộc họp của HĐQT.
4. Triển khai thực hiện đợt kiểm soát hoạt động năm 2016 tại trụ sở Công ty với các nội dung sau:
 - Kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT năm 2016;
 - Đánh giá tình hình quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh năm 2016;
 - Thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 19/8/2016 đến ngày 31/12/2016.

II. Tình hình kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty năm 2016:

1. Tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2016:

ĐHĐCĐ lần đầu đã có Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐTL/SGB ngày 28/7/2016, trong đó có nội dung thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn 04 tháng cuối năm 2016, cụ thể như sau:

Bảng số 01: Báo cáo tình hình thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ

Stt	Nội dung	ĐVT	Nghị quyết	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)
1.	Tình hình SXKD 2016				
	- Doanh thu	Triệu đồng	542.572	568.740	104,8
	- Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	10.793,1	12.521,8	116,0
	- Thuế TNDN	Triệu đồng	2.374,5	2.621,2	110,4
	- Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	8.418,6	9.900,6	117,6
	- Nộp ngân sách	Triệu đồng	18.053	16.070	89,0
2.	Tình hình SXKD 04 tháng cuối năm 2016				
	- Doanh thu	Triệu đồng	163.558	209.299 ¹	128,0
	- Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	2.687,6	3.157,7 ²	117,5
	- Thuế TNDN	Triệu đồng	591,3	654,9 ³	110,8
	- Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2.096,3	2.502,8 ⁴	119,4
	- Nộp ngân sách	Triệu đồng	4.325	3.806,1 ⁵	88,0
3.	Tình hình thù lao HĐQT, BKS và Thư ký năm 2016				
	- Chủ tịch HĐQT không chuyên trách	Triệu đồng /tháng	8,00	8,00	100,0
	- Thành viên HĐQT không chuyên trách	Triệu đồng /tháng	6,00	6,00	100,0
	- Trưởng BKS (chuyên trách)	Triệu đồng /tháng	25,00	25,00	100,0
	- Thành viên BKS không chuyên trách	Triệu đồng /tháng	5,00	5,00	100,0
	- Thư ký	Triệu đồng /tháng	3,00	3,00	100,0

- Qua bảng số liệu cho thấy Công ty đã thực hiện vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của ĐHCĐ lần đầu Công ty thông qua; riêng phần nộp ngân sách trong năm 2016 chỉ đạt 89% là do thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp giảm từ 22% xuống còn 20%.

- Lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam là công ty kiểm toán trong danh sách được Bộ Tài chính cho phép để thực hiện kiểm toán cho Công ty trong năm 2016;

- Đăng ký giao dịch thành công cổ phiếu Công ty trên UPCOM với mã chứng khoán là BSG và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 21/11/2016.

¹ Doanh thu thực hiện từ ngày 19/8/2016 đến ngày 31/12/2016

² Lợi nhuận trước thuế thực hiện từ ngày 19/8/2016 đến ngày 31/12/2016

³ Thuế TNDN thực hiện từ ngày 19/8/2016 đến ngày 31/12/2016

⁴ Lợi nhuận sau thuế thực hiện từ ngày 19/8/2016 đến ngày 31/12/2016

⁵ Nộp ngân sách thực hiện từ ngày 19/8/2016 đến ngày 31/12/2016

2. Tình hình SXKD, ĐTXD và đầu tư tài chính năm 2016 (từ ngày 19/8/2016 đến ngày 31/12/2016) của Công ty

2.1. Tình hình hoạt động SXKD năm 2016 (từ ngày 19/8/2016 đến ngày 31/12/2016)

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 (từ ngày 19/8/2016 đến ngày 31/12/2016) của Công ty cụ thể như sau:

Bảng số 2: Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016
(từ ngày 19/8/2016 đến ngày 31/12/2016)

(Đơn vị tính: VND)

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1.	Tổng Doanh thu	209.298.619.189
1.1.	Doanh thu bán hàng	203.126.409.344
1.2.	Doanh thu hoạt động tài chính	443.056.168
1.3.	Thu nhập khác	5.729.153.677
2.	Lợi nhuận trước thuế	3.157.713.397
3.	Lợi nhuận sau thuế	2.502.769.783

2.2. Tình hình ĐTXD

Năm 2016 Công ty thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản với giá trị **2.312.089.914 đồng**. Cụ thể: để triển khai các dự án liên kết kinh doanh tại bãi xe Lạc Long Quân, Công ty đã di dời; xây mới văn phòng xí nghiệp 6,7; sửa chữa văn phòng xí nghiệp 1 và xí nghiệp sửa chữa với giá trị 2.312.089.914 đồng.

2.3. Mua sắm TSCĐ

Năm 2016 Công ty đã thực hiện mua sắm máy móc, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với tổng số tiền là **227.613.064.955 đồng**.

Trong đó chủ yếu là hoàn tất đầu tư 166 xe buýt (28 xe buýt loại 30 chỗ và 138 xe buýt loại 47 chỗ) và đưa vào hoạt động trên 10 tuyến buýt.

Số liệu chi tiết như sau:

Bảng số 3: Danh mục đầu tư xây dựng năm 2016

(Đơn vị tính: VND)

Stt	Danh mục	Thực hiện năm 2016
1.	Máy móc thiết bị	46.013.363
2.	Phương tiện vận tải	227.474.473.027
3.	Thiết bị dụng cụ quản lý	92.578.565
Tổng cộng		227.613.064.955

2.4. Tình hình đầu tư tài chính và góp vốn vào doanh nghiệp khác

Không có

3. Thẩm định báo cáo tài chính và công tác tài chính kế toán

BKS nhận thấy công tác tài chính kế toán của Công ty cơ bản được thực hiện theo đúng quy định hiện hành tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính:

- Hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán được lập, ghi chép và lưu trữ theo đúng quy định;

- Báo cáo tài chính năm 2016 (cho năm tài chính từ ngày 19/8/2016 đến ngày 31/12/2016) bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính đã được Công ty lập theo quy định hiện hành;

- Báo cáo tài chính năm 2016 (cho năm tài chính từ ngày 19/8/2016 đến ngày 31/12/2016) của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các công ty đại chúng quy mô lớn.

- Ý kiến của kiểm toán viên về báo cáo tài chính năm 2016 (cho năm tài chính từ ngày 19/8/2016 đến ngày 31/12/2016) "*Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 19 tháng 8 năm 2016 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính*".

- Công tác báo cáo, công bố thông tin định kỳ và theo yêu cầu của UBCKNN, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được thực hiện theo đúng nội dung quy định của một Công ty đại chúng quy mô lớn.

3.1. Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	18/08/2016 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		223.753.165.177	391.247.309.953
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		84.258.389.830	278.044.082.213
Tiền	111	5.1	84.258.389.830	278.044.082.213
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		99.190.152.861	81.511.175.784
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	32.037.414.849	29.167.200.410
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	9.103.932.664	5.168.404.064
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	58.048.805.348	47.175.571.310
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.5	29.781.685.819	23.611.045.657
Hàng tồn kho	141		29.781.685.819	23.611.045.657
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		10.522.936.667	8.081.006.299
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6.1	2.933.864.630	2.561.734.422
Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.589.072.037	4.830.325.298
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11	-	688.946.579
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		620.095.451.359	420.310.261.088
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	320.000.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	320.000.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		599.212.093.877	399.707.174.648
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	599.212.093.877	399.707.174.648
Nguyên giá	222		1.271.053.813.271	1.042.945.834.140
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(671.841.719.394)	(643.238.659.492)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.246.257.439	391.356.364
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	3.246.257.439	391.356.364
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		17.637.100.043	19.891.730.076
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6.2	17.637.100.043	19.891.730.076
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		843.848.616.536	811.557.571.041

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	18/08/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		230.542.456.739	651.768.475.646
Nợ ngắn hạn	310		87.407.508.037	643.183.069.310
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	35.584.786.801	122.657.091.705
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	2.242.488.987	1.266.934.152
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	244.583.458	1.113.383.352
Phải trả người lao động	314		992.055.690	782.792.690
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	139.445.142	1.485.888.580
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.13	3.836.794.424	481.553.100
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14.1	837.023.595	451.924.654.911
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15.1	37.641.161.452	55.601.392.112
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.16	5.889.168.488	7.869.378.708
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		143.134.948.702	8.585.406.336
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.14.2	2.416.658.000	2.447.548.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15.2	140.239.744.366	5.495.212.000
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	5.17	478.546.336	642.646.336
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		613.306.159.797	159.789.095.395
Vốn chủ sở hữu	410	5.18	613.306.159.797	159.789.095.395
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		594.386.808.230	143.372.513.611
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		594.386.808.230	143.372.513.611
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.900.593.497	7.397.823.714
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.397.823.714	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.502.769.783	7.397.823.714
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		9.018.758.070	9.018.758.070
Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		843.848.616.536	811.557.571.041

3.2. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

--	--

ty và các cổ đông. HĐQT đã tiến hành họp và ban hành 29 quyết định và 01 thông báo. Công ty cũng đã thực hiện theo đúng nội dung chỉ đạo của HĐQT, phần đầu đạt vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được ĐHCĐ lần đầu phê duyệt.

5. Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát (BKS) đối với Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD) và cổ đông:

5.1. Hoạt động của HĐQT:

- HĐQT đã triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết ĐHCĐ thành lập ban hành.

- HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, công tác tái cấu trúc và tổ chức nhân sự theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Cơ bản hoàn thành Nghị quyết ĐHCĐ thành lập như sau:

- Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2016 theo Nghị quyết ĐHCĐ thành lập thông qua;

- Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016: Công ty đã thực hiện ký hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam;

- Đăng ký giao dịch cổ phiếu trên UPCOM, mã chứng khoán BSG.

- HĐQT đã thực hiện nghiêm túc việc sắp xếp, ổn định hoạt động của Công ty theo mô hình công ty cổ phần, đảm bảo hoạt động SXKD liên tục;

- HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, năm và bất thường theo quy định của Điều lệ Công ty. HĐQT cũng đã thông qua nhiều quyết định bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản. BKS đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với quy định pháp luật và của Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động SXKD của Công ty trong năm;

- HĐQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban TGD điều hành tốt hoạt động sản xuất kinh doanh và đã hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh; HĐQT không ngừng tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới nhằm tạo tiền đề ổn định và phát triển lâu dài bền vững cho Công ty. Cụ thể một số nội dung chính như sau:

- Thông qua kế hoạch đầu tư năm 2016;

- Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT;

- Triển khai việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung các Quy chế hoạt động theo hình thức công ty cổ phần.

5.2. Hoạt động của Ban TGD:

- Ban TGD đã triển khai, chỉ đạo việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT kịp thời, đồng thời khắc phục những khó khăn và có các biện pháp điều hành cần thiết để hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016, đem lại lợi ích cho cổ đông;

- Về công tác tài chính kế toán: Ban TGD đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc lập báo cáo tài chính quý, năm đúng hạn, đúng chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, mối quan hệ với các tổ chức tín dụng, ngân hàng được tăng cường để đảm bảo hạn mức tín dụng về vốn lưu động, vay trung hạn, dài hạn phục vụ cho hoạt động SXKD năm 2016 và các năm tiếp theo;

- Về công tác đầu tư: năm 2016 Công ty đã triển khai công tác đầu tư phương tiện và các dự án bến bãi, đầu tư xây dựng.
- Về công tác tổ chức nhân sự: Ban TGD đã tiến hành sắp xếp, tuyển dụng và bồi dưỡng nhân sự phù hợp với thực tế kinh doanh tại Công ty;
 - Ban TGD làm việc thường xuyên với các Phòng ban, đơn vị, Xí nghiệp trực thuộc để kịp thời chấn chỉnh các hoạt động SXKD theo đúng định hướng chung, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong quá trình hoạt động SXKD.

5.3. Đối với cổ đông:

- BKS sẽ báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 về hoạt động của BKS năm 2016 và kế hoạch hoạt động của BKS năm 2017. Báo cáo giám sát HĐQT và Ban TGD của Công ty năm 2016;
- Đối với yêu cầu của cổ đông lớn, cổ đông Nhà nước, BKS thực hiện theo đúng nội dung, thời hạn và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên.

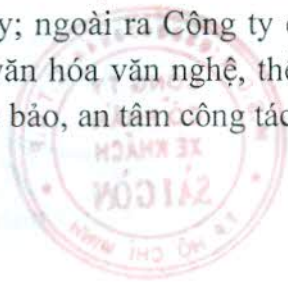
6. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý khác

- BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban TGD trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp trong hoạt động kiểm tra, giám sát theo quy định;
- Trong kỳ BKS tham gia các cuộc họp HĐQT;
- HĐQT và Ban TGD đã hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện nhiệm vụ của mình, như việc cung cấp các thông tin tài liệu, cử các cán bộ phối hợp làm việc với BKS khi có yêu cầu, tham gia các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp của Công ty;
- BKS đã phối hợp với các Phòng ban, đơn vị của Công ty trong việc kiểm tra, kiểm soát hoạt động và báo cáo cho HĐQT được biết. BKS đã lập báo cáo kiểm tra giám sát đối với tất cả các hoạt động SXKD gửi tới HĐQT và Ban TGD.

7. Hoạt động khác của BKS:

Các quy trình hoạt động của Công ty được đảm bảo và tuân thủ theo pháp luật, các chế độ, quyền lợi của CBCNV, LĐ được thực hiện theo đúng Luật Lao động, Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Thực hiện ký kết hợp đồng lao động theo đúng quy định của Bộ Luật Lao động;
- Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV;
- Thực hiện các chế độ, chính sách đầy đủ, đúng quy định cho người lao động như đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN, chi trả lương hàng tháng được kịp thời đầy đủ, đúng quy định, ngoài ra các chế độ phúc lợi khác luôn được đảm bảo, duy trì, giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động nghỉ hưu, nghỉ việc, từ trần, ốm đau, bệnh tật được kịp thời, đầy đủ, chính xác nhằm đảm bảo mọi quyền lợi cho người lao động trong Công ty; ngoài ra Công ty còn tổ chức tham quan học tập trong và ngoài nước, phong trào văn hóa văn nghệ, thể thao..., người lao động có việc làm ổn định, đời sống được đảm bảo, an tâm công tác;



- Các tổ chức chính trị, xã hội: công tác Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên đã được Công ty quan tâm tạo điều kiện về thời gian, kinh phí để hoạt động theo đúng quy định của Nhà nước, Luật doanh nghiệp.

III. Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2017 của BKS

1. Kế hoạch Quý I/2017

- Xem xét kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty;
- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2016;
- Tham gia những vấn đề liên quan kiểm toán năm 2016 và thảo luận, bàn bạc với Đơn vị kiểm toán những vấn đề vướng mắc;
- Chương trình kiểm soát (đợt 1) của BKS tại trụ sở Công ty (Kiểm soát tình hình SXKD và công tác tài chính kế toán đến ngày 31/12/2016).

2. Kế hoạch Quý II/2017

- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2017;
- Xem xét báo cáo tài chính quý I/2017;
- Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch SXKD quý I/2017;
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ;
- Đề xuất lựa chọn Đơn vị kiểm toán độc lập cho báo cáo tài chính năm 2017.

3. Kế hoạch Quý III/2017

- Xem xét báo cáo tài chính quý II/2017;
- Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch SXKD quý II/2017;
- Xem xét tính hợp lý của các văn bản quản lý nội bộ Công ty ban hành (nếu có);
- Xem xét báo cáo kết quả kiểm toán soát xét sơ bộ 6 tháng đầu năm 2017 của Công ty kiểm toán độc lập;
- Chương trình Kiểm soát (Đợt 2) của BKS tại trụ sở Công ty (Kiểm soát tình hình SXKD và công tác tài chính kế toán đến 30/6/2017). Thời điểm: tháng 8/2017 (Tiến hành sau khi Kiểm toán độc lập phát hành Báo cáo tài chính đã được soát xét tại thời điểm 30/6/2017).

4. Kế hoạch Quý IV/2017

- Xem xét báo cáo tài chính quý IV/2017;
- Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch SXKD quý III/2017;
- Chuẩn bị cho Chương trình Kiểm soát (Đợt 3) của BKS tại trụ sở Công ty. Thời điểm kiểm soát tháng 3/2018 (Tiến hành sau khi Kiểm toán độc lập phát hành báo cáo tài chính đã kiểm toán tại thời điểm 31/12/2017).

Trên đây là báo cáo của BKS Công ty đã thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm 2016.

Trân trọng./.

